TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/DS-PT
Ngày 25-9-2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các Thẩm phán: Ông Trần Mười

Bà Trịnh Thị Thu Lan

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Tấn Thịnh – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:*** Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019, về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 104/2019/QĐPT-DS ngày 26/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2019/QĐ-PT ngày 12/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị P - sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn CO, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng H - sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Số 19/9 đường TB, tổ dân phố 1, thị trấn CO, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H1 - sinh năm 1928.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1: Chị Đỗ Thị P - sinh năm 1967. (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2018)

Cùng trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn CO, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Trọng H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị P trình bày:

Vào đầu năm 2016, thời gian cụ thể chị Đỗ Thị P không nhớ, anh Đỗ Hồng C nói sẽ giới thiệu anh Nguyễn Trọng H làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) cho chị P đối với diện tích đất bà Đỗ Thị H1 là mẹ chị P và chị P đang làm quán bán cơm. Khoảng 10 ngày sau anh Nguyễn Trọng H có đến quán chị P hỏi về nguồn gốc diện tích đất thì anh H có nói xung quanh bà con đã được cấp GCNQSDĐ hết rồi mà sao bà H1 không làm, anh H nói để anh xem có làm được GCNQSDĐ không, nếu làm được thì anh làm cho. Khoảng hơn một tháng sau, anh H đến nói là làm được và đưa thủ tục xin cấp GCNQSDĐ lần đầu cho bà H1 ký và anh H đem đi làm thủ tục. Khi đó, hai bên có thỏa thuận bằng miệng, khi nào anh H làm xong GCNQSDĐ cho bà H1 và chị P thì sẽ được trả 60.000.000 đồng và cho thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng. Trong thời gian đang làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ thì anh H bảo mẹ con bà H1 và chị P đưa cho anh H 10.000.000 đồng để lo nước non nên chị P lấy tiền của bà H1 đưa cho anh H, khoảng hơn 03 tháng sau anh H đến bảo chị P đưa 20.000.000 đồng, chị P đã đưa đủ cho anh H và lần thứ ba anh H cũng bảo chị P đưa cho anh H 10.000.000 đồng, chị P đưa cho con rể của chị P tên là Nguyễn Công V cầm đến nhà đưa cho anh H. Ngày 06/3/2017 anh H có viết giấy nhận tiền của chị P 40.000.000 đồng. Sau khi mẹ con bà H1, chị P nhận tiền hỗ trợ kinh phí di dời tài sản đối với quán bán ăn nói trên của Ủy ban nhân dân huyện BS thì anh H đến nói là đã làm xong GCNQSDĐ rồi, đưa tiền cho anh để anh đi chiêu đãi và lấy GCNQSDĐ về nên chị P đưa thêm cho anh H 5.000.000 đồng, tổng cộng chị P đã đưa cho anh H 45.000.000 đồng. Do anh H không làm được GCNQSDĐ nên nhiều lần chị P đã yêu cầu anh H trả lại số tiền nói trên nhưng anh H không trả.

Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H có nghĩa vụ trả lại cho chị 45.000.000 đồng. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại bản khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Trọng H trình bày:

Nội dung vụ việc về cơ bản anh H thống nhất như lời trình bày ở trên của chị Đỗ Thị P, riêng việc chị P cho rằng anh có nói với chị là làm xong GCNQSDĐ rồi, đưa cho anh 5.000.000 đồng để đi chiêu đãi và lấy GCNQSDĐ về là không đúng, theo anh H lần này anh nói nội dung giống như các lần trước anh nhận tiền của chị P.

Trước khi nhận lời làm GCNQSDĐ cho bà H1 và chị P anh có đến gặp anh Yên là cán bộ địa chính thị trấn CO hỏi nội dung vụ việc của mẹ con bà H1 và chị P, anh Yên trả lời được và bảo anh H lấy mẫu, hướng dẫn cho bà H1 làm thủ tục cấp xin GCNQSDĐ nên sau đó anh H về hướng dẫn cho bà H1. Sau khi bà H1 hoàn thành thủ tục xin cấp GCNQSDĐ thì anh H trực tiếp đến Ủy ban nhân dân thị trấn CO, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi nộp hồ sơ, sau đó Ủy ban nhân dân thị trấn CO đi kiểm tra thực tế và đưa ra Hội đồng xét duyệt của Ủy ban nhân dân thị trấn CO để xét duyệt nhưng hội đồng xét duyệt không thống nhất nên chờ xét duyệt lần hai, nhưng trong thời gian chờ xét duyệt thì Ủy ban nhân dân huyện BS đã thu hồi đất của bà H1 và nay đã làm công viên. Việc Ủy ban nhân dân huyện BS thu hồi đất của bà H1, bà H1 không thông báo cho anh biết. Anh có nói với chị P việc thu hồi đất thì phải có thủ tục, giấy tờ thu hồi đất chứ thu hồi mà không có giấy tờ gì là không đúng, anh nói như vậy với mục đích là nếu cơ quan nhà nước thu hồi đất của bà H1 thì phải có quyết định thu hồi, nếu không có quyết định thì bà H1 làm đơn khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền để bảo vệ quyền lợi cho bà nhưng bà H1 và chị P không cung cấp một loại giấy tờ gì liên quan đến việc thu hồi đất của bà H1. Việc bà H1 giao đất cho Ủy ban nhân dân huyện BS anh H không được biết, sau khi giải tỏa đền bù xong chị P mới đến nhà anh H đòi trả lại tiền.

Anh thống nhất có nhận của chị P 45.000.000 đồng, nhưng không đồng ý trả, vì do mẹ con bà H1 và chị P tự nguyện giao đất.

Giấy nhận tiền đề ngày 06/3/2017 do anh là người trực tiếp đánh máy và ký vào trong giấy nhận tiền và có ghi địa chỉ trong giấy là 19/9 đường Quỳnh Lưu, tổ dân phố 1, thị trấn CO, Bình Sơn, Quảng Ngãi, địa chỉ của anh trong giấy nhận tiền là không đúng nhưng vì lúc đó chưa có đường TB nên anh ghi như vậy.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 là chị Đỗ Thị P trình bày:

Bà H1 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Việc bà H1 đưa tiền cho chị P để đưa cho anh H thì bà H1 và chị P tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Toà án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, tuyên xử:

- Buộc anh Nguyễn Trọng H có nghĩa vụ trả lại 45.000.000 đồng cho chị Đỗ Thị P.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/5/2019, anh Nguyễn Trọng H gửi đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung: Theo thỏa thuận giữa bà Lê Thị H1, chị Đỗ Thị P, anh Nguyễn Trọng H thì khi anh H hoàn thành công việc là bà H1 và chị P được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất bà H1, chị P đang kinh doanh quán cơm thì bà H1, chị P sẽ thưởng cho anh H 70.000.000 đồng, nhưng anh H không thực hiện được công việc theo thỏa thuận nên phải trả lại 45.000.000 đồng đã nhận của bà H1, chị P. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Trọng H cung cấp Văn bản thỏa thuận hứa thưởng ngày 25/10/2016 và Văn bản thỏa thuận ngày 10/11/2016 được ký kết giữa bà Lê Thị H1 và anh H (Bút lục số 38, 39), nội dung hai văn bản này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn Đỗ Thị P về việc bà H1 và chị P hứa thưởng cho anh H tổng cộng 70.000.000 đồng khi anh H hoàn thành việc xin cấp GCNQSDĐ cho bà H1 và chị P đối với diện tích đất bà H1 và chị P đang kinh doanh quán cơm. Anh H thừa nhận đã nhận tiền của chị P nhiều lần, tổng cộng 45.000.000 đồng.

[2] Căn cứ nội dung Biên bản làm việc với đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn CO và Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện BS và các tài liệu kèm theo (Bút lục số 48-53 và 96a-98) có đủ cơ sở xác định diện tích đất anh H thỏa thuận chịu trách nhiệm đi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà H1 và chị P thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 15, thị trấn CO do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cho Hợp tác xã Giao thông vận tải huyện Bình Sơn thuê, vì hợp tác xã bị giải thể nên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã thu hồi để xây dựng công viên, những người đang sử dụng mặt bằng để kinh doanh chỉ được hỗ trợ kinh phí di dời tài sản, bà H1 có nộp hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ nhưng Ủy ban nhân dân thị trấn CO đã trả lại vì không thuộc trường hợp cấp GCNQSDĐ. Như vậy, anh H không thể hoàn thành công việc theo thỏa thuận với bà H1, chị P.

[3] Anh H thừa nhận anh là người trực tiếp soạn thảo và ký vào Giấy nhận tiền ngày 06/3/2017 (Bút lục số 18) giao cho chị P, đây là văn bản thỏa thuận sau cùng giữa anh H với bà H1, chị P, trong giấy này có nội dung: *"Ông Nguyễn Trọng H phải thực hiện đúng như cam kết, đến khi bà Lê Thị H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong trường hợp ông Hà không hoàn thành nhiệm vụ ông Hà có nghĩa vụ*

hoàn trả đủ số tiền đã nhận". Theo quy định tại khoản 1 Điều 572 Bộ luật dân sự năm 2015 người thực hiện công việc được hứa thưởng chỉ được nhận thưởng khi công việc hoàn thành mà theo thỏa thuận anh H chỉ được nhận tiền bà H1, chị P đã hứa thưởng khi bà H1, chị P được cấp GCNQSDĐ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 45.000.000 đồng đã nhận là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Cấp sơ thẩm giải quyết về án phí phù hợp với quy định pháp luật. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Trọng H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

Buộc anh Nguyễn Trọng H có nghĩa vụ trả lại 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) cho chị Đỗ Thị P.

Anh Nguyễn Trọng H phải chịu 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002727 ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Hoàn trả lại cho chị Đỗ Thị P 1.125.000 (Một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002310 ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Bình Sơn;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Võ Minh Tiến	**Lê Thị Mỹ Giang**	**Trần Thị Bé**